

Bản án số: 2173/2026/DS-ST
Ngày: 03-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tâm.
- Bà Phạm Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly – Là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1454/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Kim Sa L; sinh năm 1981. Địa chỉ thường trú: ấp A, xã ĐT, tỉnh AG. Người đại diện theo ủy quyền: ông Mai Trung T; sinh năm 1999. Địa chỉ liên hệ: số 683 đường AC, phường TP, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ch; sinh năm 1976. Địa chỉ: số 186 đường số C, phường BHH, Thành phố H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Thanh Kh; sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp A, xã ĐT, tỉnh AG.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Bà Bùi Kim Sa L có ông Mai Trung T là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau: Bà Bùi Kim Sa L với Ông Nguyễn Văn Ch là chỗ làm ăn quen biết với nhau. Ông Ch là chủ cửa hàng vật liệu và trang trí nội thất

Quỳnh Như nên bà L nhiều lần mua hàng và hợp tác với Ông Nguyễn Văn Ch. Ngày 02/12/2022, Ông Ch có liên hệ với bà L hỏi vay bà L số tiền 100.000.000 đồng để thanh toán tiền hàng. Vì là chỗ quen biết và từng làm ăn buôn bán với nhau, nên bà L cho Ông Ch vay, việc cho vay chỉ thỏa thuận bằng miệng và không lập hợp đồng vay tiền. Cùng ngày, bà L đã chuyển cho Ông Ch số tiền 100.000.000 đồng vào số tài khoản 290976, chủ tài khoản NGUYEN VAN CH tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Ông Ch hứa khi nào bà L cần thì Ông Ch sẽ hoàn trả đầy đủ. Sau đó, cần tiền để giải quyết công việc nên bà L liên hệ với Ông Ch để yêu cầu Ông Ch trả tiền nhưng Ông Ch cứ hứa hẹn lần này đến lần khác cho đến giờ vẫn chưa trả. Bà L đến nhà và cửa hàng của Ông Ch yêu cầu gặp mặt để giải quyết trả tiền cho bà L nhưng Ông Ch luôn cố tình trốn tránh không chịu gặp bà L và không chịu trả tiền cho bà L. Ngày 25/04/2025 bà L có gửi cho Ông Ch thông báo yêu cầu Ông Ch phải trả tiền cho đến hết ngày 28/04/2025 nhưng đến nay bà L vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Ông Ch. Hành vi của Ông Ch đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên bà L khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Văn Ch trả số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 29/5/2025 đến 03/6/2026 là 370 ngày, mức lãi suất là 10%/năm, cụ thể: $100.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \div 365 \text{ ngày} \times 370 \text{ ngày} = 10.136.986 \text{ đồng}$. Tổng số tiền Ông Nguyễn Văn Ch phải trả cho bà L là $100.000.000 \text{ đồng} + 10.136.986 \text{ đồng} = 110.136.986$ (một trăm mười triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng. Bà L không giữ giấy tờ, tài liệu gì của Ông Ch, số tiền cho Ông Ch vay là tiền của cá nhân bà, không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với chồng bà là ông Phạm Thanh Kh. Bà chỉ cho cá nhân Ông Ch vay và chỉ yêu cầu cá nhân Ông Nguyễn Văn Ch trả nợ cho bà. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn – Ông Nguyễn Văn Ch vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh Kh trình bày: Ông là chồng hợp pháp của Bà Bùi Kim Sa L. Trong quá trình chung sống ngoài các khoản tiền dùng cho mục đích sinh hoạt chung trong gia đình thì vợ chồng ông thường có khoản tiền độc lập riêng. Ông được biết vợ ông có cho Ông Nguyễn Văn Ch vay số tiền 100.000.000 đồng. Ông xác nhận đây là tài sản riêng của bà L không liên quan gì đến ông nên ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do và không gửi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn cư trú tại phường BHH, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Vụ án thuộc trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Theo lời trình bày của Bà Bùi Kim Sa L thì vào ngày 02/12/2022 bà L cho Ông Ch vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Việc vay mượn giữa đôi bên không lập hợp đồng, tuy nhiên, bà L đã cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc vay mượn là giao dịch sao ngân hàng kê bà L chuyển tiền cho Ông Ch. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, theo kết quả trả lời của Ngân hàng TMCP Kiên Long thể hiện *tài khoản số 18717456 của Bà Bùi Kim Sa L mở tại Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Rạch Giá – Phòng giao dịch An Biên vào ngày 02/12/2022 đã thực hiện chuyển khoản cho tài khoản số 290976 của ông NGUYEN VAN CH tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo sao kê số tiền chuyển khoản là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng*. Như vậy, mặc dù giữa bà L và Ông Ch không lập văn bản về việc vay tiền nhưng theo tài liệu phía Ngân hàng cung cấp thể hiện số tiền chuyển, thời gian chuyển và tài khoản nhận tiền phù hợp với lời khai của bà L.

Ông Ch đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về quyền được phản hồi ý kiến, về quyền được đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Tuy nhiên, đến nay Ông Ch không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng minh việc đã thanh toán hoặc chứng minh việc nhận tiền không phải là quan hệ vay tài sản. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Ông Ch không phản đối các tình tiết, tài liệu, chứng cứ và yêu cầu mà bà L đưa ra tức là đã thừa nhận sự việc. Mặt khác, toàn bộ hồ

sơ sao kê và kết quả xác minh của Ngân hàng đã phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng có cơ sở xác định giữa bà L và Ông Ch có thực hiện giao dịch dân sự vay tiền. Giữa các bên không làm hợp đồng vay tiền nhưng căn cứ vào chứng cứ chuyển khoản có đủ căn cứ xác định bà L cho Ông Ch vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Hai bên không lập hợp đồng vay tiền, Ông Ch không phản đối, không cung cấp tài liệu chứng minh cho khoản vay có kỳ hạn nên xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn. Bà L đã có thông báo cho Ông Ch về thời hạn trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, Ông Ch đã không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khi bên cho vay yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Ông Nguyễn Văn Ch trả số tiền vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiền lãi: Các bên không thỏa thuận về lãi suất, không có chứng cứ chứng minh về lãi suất thỏa thuận giữa đôi bên nên xác định đây là khoản vay không có lãi, căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”*. Ngày 25/4/2025 bà L đã có thông báo cho Ông Ch về thời hạn trả tiền. Tuy nhiên, Ông Ch không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thông báo. Do đó, bà L yêu cầu Ông Ch phải trả tiền lãi do không thực hiện nghĩa vụ trả tiền và yêu cầu tính lãi từ ngày 29/5/2025 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 03/6/2026, mức lãi suất là 10%/năm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, *khi bên vay chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 29/5/2025 đến ngày 03/6/2026 là 370 ngày, mức lãi suất là 10%/năm, số tiền lãi cụ thể là $100.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \div 365 \text{ ngày} \times 370 \text{ ngày}$ (tương đương 01 năm 05 ngày) = 10.136.986 (mười triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng. Mức lãi suất, thời gian tính lãi và số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền Ông Nguyễn Văn Ch phải thanh toán cho Bà Bùi Kim Sa L là 110.136.986 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 10.136.986 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là yêu cầu chính đáng nên được chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của ông Phạm Thanh Kh xác định đây là khoản tiền riêng của bà L và không có yêu cầu ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đồng thời, phía nguyên đơn Bà Bùi Kim Sa L xác định trách nhiệm trả tiền của cá nhân Ông Ch đối với bà L nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận buộc Ông Ch có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho bà L.

[5] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng các ý kiến và đề nghị của đại

diện Viện Kiểm sát về hình thức, nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu nên nguyên đơn Bà Bùi Kim Sa L không phải nộp án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Ông Nguyễn Văn Ch phải nộp số tiền án phí là 5.506.849 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Bùi Kim Sa L đối với bị đơn – Ông Nguyễn Văn Ch về việc đòi tiền nợ.

2. Buộc Ông Nguyễn Văn Ch có nghĩa vụ trả cho Bà Bùi Kim Sa L số tiền là 110.136.986 (một trăm mười triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 10.136.986 (mười triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn - Bà Bùi Kim Sa L không phải chịu án phí, hoàn trả cho Bà Bùi Kim Sa L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.532.875 (hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021553 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn – Ông Nguyễn Văn Ch phải nộp số tiền án phí là 5.506.849 (năm triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện

Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. HCM;
- VKSND khu vực 9-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Lệ Hoa